

NGHỊ QUYẾT

Thông qua điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Bình Phước.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2015/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua tiêu chí xác định dự án đầu tư công trọng điểm nhóm C trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 137/TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 67/BC-HĐND-KTNS ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Bình Phước là 34 dự án, trong đó:

1. Danh mục dự án đã quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh được tiếp tục thực hiện là 24 dự án.

2. Danh mục dự án bổ sung là 10 dự án.

(Kèm theo danh mục điều chỉnh dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C giai đoạn 2016 - 2020).

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 32/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C giai đoạn 2016 - 2020.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày thông qua.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TC, Bộ KH&ĐT;
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



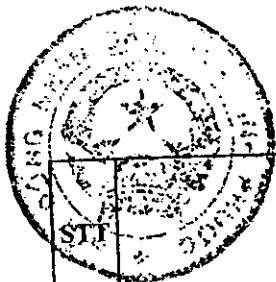
Trần Tuệ Hiền

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN NHÓM B VÀ DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM NHÓM C GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 2 tháng 2 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	Nhóm dự án	Thời gian thực hiện	Công suất thiết kế	Tổng mức đầu tư đã quyết định	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Nguồn vốn		Ghi chú
							Vốn NS Trung ương	Vốn NS tỉnh và vốn khác	
1	DANH MỤC DỰ ÁN ĐÃ QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ VÀ ĐIỀU CHỈNH								
1	Nâng cấp, mở rộng đường Lộc Tấn - Bù Đốp (ĐT759B) đoạn Km8+000 đến Km10+500, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.	B	2017-2020	2,5 km	84.000	84.000		84.000	
2	Trung tâm y tế huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.	B	2017-2020	48 giường bệnh	75.000	75.000		75.000	
3	Trường cấp 2, 3 Minh Hưng, huyện Chơn Thành	B	2017-2020	24 lớp	49.998	49.998		49.998	
4	Trường THPT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.	B	2017-2020	40 lớp	59.926	59.926		59.926	
5	Nhà ở cán bộ, chiến sỹ, hội trường, nhà ăn và hồ bơi cho các đơn vị thuộc Trung đoàn 736 tỉnh Bình Phước.	B	2017-2020	5.916 m2	48.200	48.200		48.200	
6	Trường THPT Đồng Phú, huyện Đồng Phú	B	2017-2020	38 lớp	100.000	100.000		100.000	Vốn tỉnh Bình Dương hỗ trợ 90 tỷ đồng, NS tỉnh 10 tỷ đồng
7	Trường THPT Thanh Hòa, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.	Trọng điểm nhóm C	2017-2019	30 lớp	44.991	44.991		44.991	
8	Đường giao thông từ ngã ba Vườn Chuối (Quốc lộ 14) đến khu vực Trảng cỏ Bù Lạch, xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.	B	2016-2020	13 km	150.000	100.000	100.000		
9	Nâng cấp đường ĐT755 đoạn từ thị trấn Đức Phong đi Lam Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.	Trọng điểm nhóm C	2018-2020	21,17 km	149.644	66.000	66.000		
10	Đường giao thông phục vụ dân sinh gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh khu vực biên giới huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.	Trọng điểm nhóm C	2016-2020	20,07 km	170.000	55.000	55.000		
11	Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Bình Phước.	B	2018-2020	3.233 m2	83.000	45.000	45.000		
12	Trụ sở Huyện ủy; trụ sở HĐND-UBND, hội trường và trụ sở khối đoàn thể huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.	B	2018-2020	8.130 m2	150.000	77.000	77.000		



STT	DANH MỤC DỰ ÁN	Nhóm dự án	Thời gian thực hiện	Công suất thiết kế	Tổng mức đầu tư đã quyết định	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Nguồn vốn		Ghi chú
							Vốn NS Trung ương	Vốn NS tỉnh và vốn khác	
13	Đường trục chính khu trung tâm hành chính huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.	B	2018-2020	2,931 km	150.000	77.000	77.000		
14	Xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn phát triển sản xuất nông nghiệp huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.	B'	2016-2020	11,4 km kênh tiêu nước	120.000	110.000	110.000		
15	Hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	B	2018-2020	16,704 km đường giao thông	132.000	110.000	110.000		
16	Xây dựng đường nhựa vào các đồn Biên phòng Thanh Hòa, Đăk O, Bù Gia Mập và cụm dân cư Bù Gia Mập.	Trọng điểm nhóm C	2016-2020	8,555 km	110.000	55.000	55.000		
17	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS huyện Bù Đốp	B	2018-2020	250 học sinh	44.100	45.000	44.100	900	
18	Trường THPT Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập	B	2017-2020	30 lớp	100.000	100.000		100.000	Vốn TP.HCM hỗ trợ 80 tỷ đồng, vốn NS huyện Bù Gia Mập 20 tỷ đồng
19	Đường tránh nội ô thị xã Đồng Xoài (kết nối ĐT 741 với QL14)	B	2018-2020	3,5 km	110.000	110.000	90.000	20.000	
20	Các tuyến đường nối QL14 với khu dân cư Ấp 1 xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	B	2018-2020	6,033km	117.000	117.000	117.000		
21	Nâng cấp, mở rộng đường Phan Chu Trinh kết nối với QL13 huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	B	2018-2020	2,65 km	80.000	80.000	80.000		
22	Xây dựng hệ thống kênh tưới cụm công trình thủy lợi huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	B	2018-2020	30 km kênh	113.000	113.000	113.000		
23	Kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học mầm non và tiểu học cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa theo Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ	B	2017-2020	85 phòng học mầm non, 64 phòng học tiểu học	100.000	100.000	100.000		Vốn trái phiếu Chính phủ
24	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước từ 300 giường lên 600 giường bệnh	B	2017-2020	600 giường bệnh	700.000	700.000	660.000	40.000	Vốn trái phiếu Chính phủ
II	DANH MỤC DỰ ÁN BỔ SUNG								
1	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	B	2016-2022	36 km		320.790		320.790	Vốn bổ trí giai đoạn 2016-2020 là 235 tỷ đồng
2	Hỗ trợ dự án BOT Quốc lộ 13 (đoạn Bình Long-Chiu Riu)	B	217-2020			200.000		200.000	

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	Nhóm dự án	Thời gian thực hiện	Công suất thiết kế	Tổng mức đầu tư đã quyết định	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Nguồn vốn		Ghi chú
							Vốn NS Trung ương	Vốn NS tỉnh và vốn khác	
3	GPMB đường Đồng Phú-Bình Dương (phần diện tích ngoài hành lang 70 m)	B	2017-2020			121.000		121.000	
4	Xây dựng trụ sở PCCC&CNCH các huyện	B	2018-2020	Nhà làm việc, tháp tập PCCC&CNCH, nhà xe, hạ tầng, thiết bị		100.000		100.000	
5	Dự án xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam	B	2017-2020	Nạo vét, cải tạo lòng hồ, bờ kè: 3.001, 94m		105.000		105.000	
6	Xây dựng kè và hệ thống đường, điện chiếu sáng hai bên suối Đồng Tiên và suối Tâm Vông	B	2018-2020	4.850m		150.000		150.000	
7	Đường từ Bù Nho đi Phước Tân, huyện Phú Riềng	B	2018-2020	14km		95.000		95.000	Vốn NS tỉnh 30 tỷ đồng, vốn NS huyện Phú Riềng 15 tỷ đồng
8	Xây dựng các tuyến đường số 2, 3, 4, 5 và 7 KCN Đồng Xoài I	B	2018-2020	6.358,6m		80.000		80.000	
9	Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT 752 (đoạn thị xã Bình Long đi trường chuyên Bình Long)	B	2017-2020	3,14km		91.000		91.000	Vốn NS tỉnh 72 tỷ đồng, vốn NS thị xã Bình Long 19 tỷ đồng
10	Đường ĐT 759B đoạn từ bến xe mới đi xã Thiện Hưng huyện Bù Đốp (3km)	Trọng điểm nhóm C	2017-2020	2,7km		66.000		66.000	